

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 01/2023/HNGĐ-GĐT

Ngày 26/6/2023

V/v tranh chấp ly hôn và chia  
tài sản chung

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

***- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Tiến;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Nguyễn Biên Thùy;

- Bà Đào Thị Minh Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Việt Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án tranh chấp về “Ly hôn và chia tài sản chung” giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hoàng M, sinh năm 1965;

Cư trú tại Nhà số A, Ngõ B, phố Đặng Văn N, phường Trung T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Bà Tô Minh H, sinh năm 1974;

Cư trú tại Biệt thự X khu đô thị C, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị mới AK; địa chỉ: Km số V, Đại lộ Thăng L, xã An K, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị mới AK:* Ông Nguyễn Quang T – Tổng Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật.

- Ngân hàng TCB; địa chỉ: Số 191 Bà T, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TCB: Ông Trần Đức T1 - Giám đốc Chi nhánh L - Ngân hàng TCB, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 280/2020/UQ-TCB ngày 22/12/2020 của ông Phạm Quang T2 - Giám đốc khối Quản trị Ngân hàng - Ngân hàng TCB).*

- Ông Đặng Đức C, sinh năm 1969 và vợ là bà Hà Thị Hải Y, sinh năm 1972; cùng cư trú tại Nhà số 9, phố Nguyễn Bình K, phường Nguyễn D, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Hoàng M trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* ông kết hôn với bà Tô Minh H vào ngày 27/8/1997 tại UBND phường Trung T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Ông và bà H đã tự hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2012 đến nay. Nay ông thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị được ly hôn với bà H.

- *Về con chung:* vợ chồng ông có 2 con chung là Phạm Hương N, sinh ngày 28/4/1999 và Phạm Hương L, sinh ngày 23/12/2001.

- *Về tài sản chung:* quá trình chung sống, vợ chồng ông có các tài sản chung như sau:

1.1. Phần vốn góp 6.000.000 (sáu triệu) cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán HV (sau đây gọi tắt là Công ty HV), đứng tên bà Tô Minh H;

1.2. Căn hộ số 274 S của Công ty liên doanh trách nhiệm hữu hạn phát triển đô thị mới AK (sau đây gọi tắt là Công ty AK) chuyển nhượng cho vợ chồng ông theo Hợp đồng mua bán căn hộ số 274-CHP1/AK-HĐMB-111021 ngày 21/10/2011 và Phụ lục điều chỉnh hợp đồng số 08 ngày 05/9/2020. Vợ chồng ông đã thanh toán 3.233.394.400 đồng, còn nợ Công ty AK JVC số tiền 1.762.365.600 đồng;

1.3. Diện tích 999,5 m<sup>2</sup> đất tại dãy A, ô số 14, khu sân G và Biệt thự T tại xã Hợp C, huyện Tam Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngày 20/4/2010, vợ chồng ông mua diện tích đất này của ông Đặng Đức C và bà Hà Thị Hải Y nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng ông;

1.4. Biệt thự X tại khu đô thị C, phường Phú T, quận Tây H, thành phố Hà Nội, diện tích đất 217,5 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 279 m<sup>2</sup>, kiến trúc 3 tầng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cấp ngày 15/6/2009 mang tên ông Ngô Mạnh T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4 và ngày 30/7/2009, Văn phòng đăng ký đất và nhà quận Tây H cập nhật biến động sang tên vợ chồng ông;

1.5. Số tiền 2.050.000.000 đồng bán xe ô tô Toyota Lexus, biển kiểm soát số 30V-8336, bà H là người nhận tiền ngày 11/12/2014;

1.6. Số tiền bán nhà tại khu đô thị BAK, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội được 19.800.000.000 đồng vào ngày 02/12/2014 và số tiền 3.200.000.000 đồng bán nhà tại căn hộ E709 số 151 phố Thụy K, quận Tây H, thành phố Hà Nội vào năm 2014. Tiền bán nhà được bà H gửi vào Ngân hàng TCB theo số tài khoản 13820361873013 và 13820361873021. Hiện nay, số tiền này do bà H quản lý;

1.7. Số dư tài khoản là 100.000.000 đồng và 179,60 USD (tương đương 4.144.240 đồng) tại Ngân hàng TCB đứng tên bà H theo tài khoản 13820361873013 và 13820361873021 mà Ngân hàng TCB cung cấp cho Tòa án.

Ông M yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản nêu trên.

## *2. Các yêu cầu khác của ông M:*

2.1. Căn hộ A502 chung cư W, số 395 Lạc Long Q, phường Nghĩa Đ, quận Cầu G, thành phố Hà Nội;

2.2. Căn hộ A1002 chung cư W, số 395 Lạc Long Q, phường Nghĩa Đ, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

Đối với yêu cầu chia 2 căn hộ nêu trên, tại phiên tòa sơ thẩm ông M không yêu cầu giải quyết trong vụ án này vì chưa cung cấp được tài liệu liên quan và nhà hiện không do vợ chồng ông M quản lý.

## *Bị đơn là bà Tô Minh H trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà và ông M kết hôn năm 1997 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông M và bà đi du học tại New Zealand và Úc. Năm 2004, vợ chồng bà về Việt Nam sinh sống. Đến năm 2012, ông M về ở với bố mẹ tại căn nhà ở phố Đ. Tuy vợ chồng bà sống ở 2 nơi khác nhau nhưng bà vẫn thường xuyên đi lại 2 nhà và chăm sóc bố mẹ chồng. Nay ông M đề nghị được ly hôn, bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu ông M vẫn muốn ly hôn thì bà cũng đồng ý.

- *Về con chung:* bà thống nhất với lời trình bày của ông M và đề nghị được nuôi 2 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con thì tùy theo ông M.

- *Về tài sản chung:* bà H thống nhất các tài sản chung của vợ chồng như ông M trình bày. Tuy nhiên, các tài sản chung này được hình thành phần lớn do tiền lương và tiền của bà đầu tư vào cổ phiếu sau khi đi nước ngoài về. Số tiền bán cổ phần và các tài sản khác bà để lo cho con ăn học; bà và ông M cũng thỏa thuận là các tài sản chung để dành cho các con.

Ngoài ra, bà H còn yêu cầu chia các tài sản sau: thẻ sân golf Đại L có giá trị 35.000 USD; thẻ sân golf Đồng Mô có giá trị 35.000 USD và tiền sửa chữa nhà bố mẹ chồng tại số 69 phố Đặng Văn N, phường Trung T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội là 20.000 USD. Tuy nhiên, bà H không cung cấp tài liệu, chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Tòa án chưa thụ lý yêu cầu này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty AK trình bày:* ngày 21/10/2011, Công ty AK và ông Phạm Hoàng M đã ký Hợp đồng mua bán

căn hộ số 274-CHP1/AK-HĐMB-111021 thuộc Chung cư giai đoạn 1, dự án Khu đô thị mới BAK - S, xã An K, huyện Hoài Đ, thành phố Hà Nội với giá 6.833.485.000 đồng. Trang đầu của hợp đồng có dẫn chiếu đến bà H là vợ của ông M ủy quyền cho ông M là người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các giao dịch với Công ty AK (liên quan đến hợp đồng này). Đến ngày 05/9/2020, ông M đã thanh toán số tiền 3.233.394.400 đồng cho Công ty AK, cùng ngày, Công ty AK và ông Phạm Hoàng M đã ký Phụ lục số 08 về việc điều chỉnh giá bán căn hộ đính kèm Hợp đồng mua bán số 274-CHP1/AK-HĐMB-111021, theo đó giá bán căn hộ được điều chỉnh giảm còn 4.995.760 đồng. Như vậy, ông M còn phải thanh toán cho Công ty AK số tiền là 1.762.365.600 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TCB trình bày:* bà Tô Minh H hiện tại có 02 tài khoản số 13820361873013 và 13820361873021 tại Ngân hàng TCB. Số dư đến thời điểm 08 giờ 30 phút ngày 02/12/2020 của số tài khoản 13820361873013 là 100.000.000 đồng và tài khoản số 13820361873021 là 179,60 USD. Về yêu cầu cung cấp thông tin tài khoản số 1380100139843: qua rà soát trên hệ thống tại thời điểm hiện tại không có thông tin nào trùng khớp với tài khoản này nên không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Đức C và bà Hà Thị Hải Y trình bày:* ngày 20/4/2010, vợ chồng ông, bà có chuyển nhượng cho vợ chồng ông M và bà H thửa đất có diện tích 999,5m<sup>2</sup> tại dãy A, ô số 14, khu sân G và Biệt thự T, xã Hợp C, huyện Tam Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA060465 với giá 1.523.680.000 đồng. Ngày 25/8/2017, vợ chồng ông, bà đã tiến hành bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản gốc và đất trên thực tế cho ông M. Các bên chưa làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tại thời điểm đó ông M, bà H còn nợ lại số tiền 73.680.000 đồng tiền mua đất và 16.200.000 đồng chi phí khác phát sinh từ năm 2011 đến 2016. Ngày 09/12/2020, ông M đã thanh toán cho ông, bà số tiền 89.880.000 đồng còn thiếu. Vì vậy, việc chuyển nhượng thửa đất nêu trên giữa vợ chồng ông, bà và vợ chồng ông M, bà H đã hoàn thành, thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông M, bà H; ông, bà không còn liên quan đến thửa đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2021/LH-ST ngày 23/3/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

*“1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Hoàng M đối với bà Tô Minh H.*

*Ông Phạm Hoàng M và bà Tô Minh H được ly hôn.*

*2. Về con: vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Hương N sinh ngày 28/4/1999 và cháu Phạm Hương L sinh ngày 23/12/2001 đều đã trưởng thành.*

Việc ở với ai do họ tự quyết định. Ông Phạm Hoàng M và bà Tô Minh H được quyền đi lại chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

### 3. Về tài sản chung vợ chồng:

3.1. Xác định vợ chồng ông Phạm Hoàng M và bà Tô Minh H có chung tài sản, gồm:

1. Số tiền bà H hiện đang nắm giữ là 76.413.467.072 đồng là tiền bán cổ phiếu đứng tên bà H tại Công HV;

2. Số dư tài khoản là 100.000.000 đồng và 179,60 USD (tương đương 4.144.270 đồng) tại Ngân hàng Techcombank đứng tên bà Tô Minh H.

3. Số tiền 2,05 tỷ đồng tiền bán xe Luxus, bà Tô Minh H là người nhận tiền bán xe và đang nắm giữ.

4. Biệt thự X, S đất = 217,5 m<sup>2</sup>; diện tích sàn 279 m<sup>2</sup>; kiến trúc 3 tầng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đứng tên vợ chồng ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H có tổng trị giá là 26.458.467.810 đồng;

5. Căn hộ số 274 S đang mua của Công ty AK chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H. Số tiền ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H đã thanh toán 3.233.394.400 đồng còn nợ 1.762.365.600 đồng;

6. Mảnh đất diện tích 999,5 m<sup>2</sup> tại dãy A, ô số 14, khu G tại xã H, huyện T, Vĩnh Phúc (Diện tích này vợ chồng mua lại của ông C, bà Y), có trị giá  $952,3 \text{ m}^2 \times 5.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.761.500.000\text{đồng}$ .

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H (từ 1- 6) là: 113.020.973.552 đồng (Một trăm mười ba tỷ, không trăm hai triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, năm trăm năm mươi hai đồng).

Chia tài sản chung vợ chồng, ông M, bà H mỗi người được hưởng tài sản trị giá 56.510.486.776 đồng (Năm sáu tỷ, năm trăm mười triệu, bốn trăm tám sáu nghìn bảy trăm bảy sáu đồng).

### 3.2. Phân chia tài sản chung vợ chồng cụ thể như sau:

- Chia cho ông Phạm Hoàng M được quyền sở hữu sử dụng nhà, đất gồm:

1. Biệt thự X, S đất = 217,5 m<sup>2</sup>; diện tích sàn 279 m<sup>2</sup>; kiến trúc 3 tầng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đứng tên vợ chồng ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H có tổng trị giá là 26.458.467.810 đồng.

2. Căn hộ số 274 S đang mua của Công ty AK chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H. Số tiền ông Phạm Hoàng M, bà Tô Minh H đã thanh toán 3.233.394.400 đồng còn nợ 1.762.365.600 đồng;

3. Mảnh đất diện tích 999,5 m<sup>2</sup> tại dãy A, ô số 14, khu sân G và Biệt thự T tại xã Hợp C, huyện Tam Đ, Vĩnh Phúc (Diện tích này vợ chồng mua lại của ông C, bà Y), có trị giá  $952,3 \text{ m}^2 \times 5.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.761.500.000\text{đồng}$ .

Tổng trị giá tài sản ông Phạm Hoàng M được chia có trị giá

34.453.362.210 đồng (Ba tư tỷ, bốn trăm năm ba triệu, ba trăm sáu hai nghìn, hai trăm mười đồng).

Ông Phạm Hoàng M có quyền đến cơ quan nhà đất có thẩm quyền để sang tên trước bạ nhà, đất được chia theo quyết định của bản án.

Ông Phạm Hoàng M có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu đối với Công ty AK và Công ty AK có trách nhiệm sang tên trước bạ nhà, đất cho ông Phạm Hoàng M theo qui định của pháp luật.

- Chia cho bà H được quyền sở hữu tài sản chung vợ chồng, gồm:

1. Số tiền bà Tô Minh H hiện đang nắm giữ là 76.413.467.072 đồng là tiền bán cổ phiếu đứng tên bà Tô Minh H tại Công ty HV.

2. Số dư tài khoản là 100.000.000 đồng và 179,60 USD (tương đương 4.144.270 đồng) tại Ngân hàng TCB đứng tên bà Tô Minh H.

3. Số tiền 2.050.000.000 đồng tiền bán xe Lexus, bà H là người nhận tiền bán xe và đang nắm giữ.

Tổng trị giá tài sản bà Tô Minh H được chia có trị giá 78.567.611.342 đồng (Bảy mươi tám tỷ, năm trăm sáu bảy triệu, sáu trăm mười một nghìn, ba trăm bốn mươi hai đồng).

3.3. Trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản:

Bà Tô Minh H có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Phạm Hoàng M là 22.057.124.566 đồng (Hai hai tỷ, không trăm năm bảy triệu, một trăm hai tư nghìn, năm trăm sáu sáu đồng).

4. Đối với yêu cầu khác của nguyên đơn ông Phạm Hoàng M liên quan đến căn hộ A502, A1002 chung cư W, số 395 Lạc Long Q, phường Nghĩa Đ, quận C, thành phố Hà Nội và bị đơn bà Tô Minh H yêu cầu chia tài sản bao gồm: Thẻ sân golf Đại L 35.000USD, Thẻ sân golf Đồng M 35.000USD và tiền sửa chữa nhà bố mẹ chồng tại 69 Đ 20.000USD, do các đương sự không thực hiện các nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử sẽ dành giải quyết bằng vụ kiện khác khi các bên có yêu cầu chia tài sản sau ly hôn”.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 30/3/2021, bà Tô Minh H có đơn kháng cáo Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về phân chia tài sản chung.

Ngày 31/3/2021, ông Phạm Hoàng M có đơn kháng cáo Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về phân chia tài sản chung.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định:

“1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn là ông Phạm Hoàng M.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Tô Minh H, giữ nguyên

*quyết định về tài sản chung của vợ chồng ông M, bà H của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2021/LH-ST ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội”.*

Ngoài ra, Tòa án còn tuyên về án phí và hiệu lực của quyết định.

Ngày 07/3/2022, bà Tô Minh H có đơn đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Ngày 12/4/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS đối với Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021 nêu trên; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2021/LH-ST ngày 23/3/2021 về phần chia tài sản chung của vợ chồng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 12/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà H có lời khai và cung cấp tài liệu chứng minh bà H đã chuyển toàn bộ số tiền chuyển nhượng cổ phần mang tên bà H tại Công ty HV tặng cho 2 con là Phạm Hương N và Phạm Hương L từ ngày 21/4/2020.

Theo “Chi tiết giao dịch tài khoản khách hàng” do Ngân hàng SG cung cấp thì ngày 21/4/2020, bà H nhận số tiền 74.581.118.965 đồng bán cổ phần mang tên bà H tại Công ty HV, cùng ngày, bà H chuyển khoản tặng cho cháu N, cháu L số tiền 74.583.000.000 đồng với nội dung “*Bo me trao tang hai con gai yeu N L*”.

Như vậy, số tiền chuyển nhượng cổ phần mang tên bà H tại Công ty HV đã được chuyển sang tên cháu N và cháu L trước thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa sơ thẩm (ngày 23/3/2021) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cháu N và cháu L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về phần này là có căn cứ.

[2] Về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng:

[2.1] *Về việc xác định công sức đóng góp của ông M và bà H trong việc*

*tạo dựng khối tài sản chung:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M cho rằng các tài sản chung của vợ chồng được hình thành từ tiền tiết kiệm chung của vợ chồng và tiền bán thửa đất của cá nhân ông tại phường Tứ L, quận Tây H, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, bà H không thừa nhận mà cho rằng các tài sản chung của vợ chồng hình thành phần lớn do công sức của bà H từ tiền lương và tiền thưởng; đồng thời cung cấp các tài liệu chứng minh về thu nhập, cụ thể như sau:

+ Theo thư xác nhận ngày 07/4/2021, VNPL xác nhận bà H làm Giám đốc đầu tư cho VNPL từ tháng 1/2005 đến tháng 10/2005 và làm việc cho VPDD VNPL tại Hà Nội từ tháng 1/2005 đến tháng 10/2007 với thu nhập được chi trả như sau: 3.098.953.975 đồng và 160.541 USD;

+ Theo Hợp đồng lao động lập tháng 12/2008 giữa bà H với Công ty HV thì lương của bà H từ 01/01/2008 đến 08/01/2009 là 175.900.000 đồng/tháng; phụ cấp trách nhiệm là 22.800 USD/tháng và lương bổ sung (tùy vào tình hình kinh doanh của Công ty và mức độ hoàn thành công việc của người lao động);

+ Theo Hợp đồng lao động lập ngày 08/01/2009 giữa bà H với Công ty HV thì lương của bà H từ 09/01/2009 đến 31/5/2014 là 16.666USD/tháng và lương bổ sung;

+ Theo Phụ lục Hợp đồng lao động giữa bà H với Công ty HV thì lương của bà H từ 01/6/2014 là 369.960.000 đồng/tháng và tiền thưởng;

+ Ngày 20/3/2018, Công ty HV xác nhận bà H là Tổng giám đốc đã làm việc tại Công ty từ tháng 8/2017 mới mức lương hiện tại là 369.960.000 đồng/tháng (trước thuế) và 253.871.100 đồng/tháng (sau thuế);

+ Ngoài ra, theo bản sao kê của Ngân hàng TCB, bà H còn được nhận khoản tiền 52.000 USD/3 tháng của MS (từ tháng 7/2008 đến tháng 6/2020).

Các tài liệu nêu trên do bà H cung cấp nhưng chưa được Tòa án xem xét, giải quyết. Trong khi đó, theo bản sao kê của Ngân hàng TCB thì lương và các khoản phụ cấp của ông M làm tại BKH: tháng 1/2018 là 10.717.200 đồng; tháng 2/2018 là 11.253.060 đồng và tháng 3/2018 là 11.253.060 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xác minh, thu nhập các tài liệu, chứng cứ để làm rõ mức thu nhập của ông M và bà H nhưng đã cho rằng ông M, bà H có công sức ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung của vợ chồng, từ đó chia cho ông M, bà H mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị khối tài sản chung là chưa có cơ sở. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về phần này là có căn cứ.

Ngoài ra, bà H còn cho rằng trong thời gian bà và ông M ly thân bà phải một mình nuôi các con ăn, học; ông M không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung nên khi ly hôn, vợ chồng bà thỏa thuận chuyển hết tài sản cho các con. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét vấn đề này. Do đó, khi giải quyết lại vụ án cần phải xem xét, giải quyết về công sức và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 2 con chung của ông M và bà H trong thời

gian ông M và bà H ly thân (nếu bà H có yêu cầu). Trên cơ sở đó mới đảm bảo quyền lợi của ông M, bà H trong việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

*[2.2] Về việc phân chia căn Biệt thự X tại khu đô thị C:*

Biệt thự X tại khu đô thị C có diện tích 217,5 m<sup>2</sup> đất, diện tích sàn là 279 m<sup>2</sup>, kiến trúc 3 tầng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ngày 15/6/2009 mang tên ông Ngô Mạnh T3, bà Nguyễn Thị Thanh T4. Ngày 30/7/2009, Văn phòng đăng ký đất và nhà quận T cập nhật biến động từ tên ông T3, bà T4 sang tên ông M, bà H.

Ông M và bà H đều trình bày vợ chồng ly thân từ năm 2012, sau đó ông M về ở với bố mẹ tại Nhà số 1, Ngõ 69 Đặng Văn N, phường Trung T, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội; còn bà H cùng 2 con chung là cháu N và cháu L ở Biệt thự X tại khu đô thị C từ năm 2012 cho đến nay. Ngoài căn Biệt thự X tại khu đô thị C thì vợ chồng ông M, bà H không còn căn nhà nào khác; hiện tại, bà H và 02 con là cháu N và cháu L đang sinh sống và ở ổn định tại căn nhà này.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng bà H đang giữ khoản tiền là 78.567.611.342 đồng, gần bằng  $\frac{3}{4}$  giá trị tài sản chung của vợ chồng nên chia cho ông M căn Biệt thự X tại khu đô thị C; căn hộ số 274 S đang mua của Công ty AK và diện tích 999,5 m<sup>2</sup> đất tại dãy A, ô số 14, khu sân G và Biệt thự tại xã Hợp C, huyện Tam Đ, Vĩnh Phúc, còn chia cho bà H bằng giá trị tài sản là không đảm bảo cuộc sống ổn định của các bên theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về phần này là có căn cứ.

*[2.3] Về việc phân chia phần vốn góp 6.000.000 cổ phần tại Công ty HV mang tên bà H:*

Theo Hợp đồng mua bán cổ phần lập ngày 15/12/2019, 03 cổ đông của Công ty HV (trong đó có bà H sở hữu 6.000.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ) chuyển nhượng 100% cổ phần của Công ty HV cho Công ty TK. Ngày 18/3/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 204/QĐ-UBCK về việc chấp thuận giao dịch làm thay đổi sở hữu cổ phần của công ty chứng khoán.

Theo Công văn số 380/CTHN-NVDTPC ngày 05/01/2021 của Cục Thuế thành phố Hà Nội thì: bà H chuyển nhượng cho Công ty TK 6.000.000 cổ phần với giá chuyển nhượng đã kê khai thuế là 76.489.957.029 đồng, bà H đã nộp số tiền 76.489.957 đồng thuế thu nhập cá nhân vào ngân sách Nhà nước.

Như vậy, sau khi trừ số tiền nộp thuế thu nhập cá nhân thì số tiền còn lại bà H đang quản lý là 76.413.467.072 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định số tiền chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần tại Công ty HV mang tên bà H là tài sản chung của ông M, bà H là có căn cứ.

Kháng nghị giám đốc thẩm cho rằng tháng 4/2020, bà H đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần trên cho Công ty TK với số tiền 76.489.957.029

đồng, sau khi trừ đi thuế phí (76.489.957 đồng) và chi phí luật sư (2.000.000.000 đồng) còn 74.581.118.965 đồng, bà H đã chuyển tặng toàn bộ cho 02 con chung bằng hình thức chuyển khoản vào ngày 21/4/2020, trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm vẫn nhận định “số tiền bà Tô Minh H hiện đang nắm giữ là 76.413.467.072 đồng là tiền bán cổ phiếu đứng tên bà Tô Minh H” và phân chia số tiền này là không đúng thực tế, thiếu căn cứ; nhận định này là không có cơ sở. Bởi lẽ số tiền chuyển nhượng 6.000.000 cổ phần tại Công ty HV mang tên bà H là tài sản chung của ông M, bà H nhưng bà H lại tự ý tặng cho 02 con chung toàn bộ số tiền nêu trên mà không có sự đồng ý của ông M là vi phạm đến quyền định đoạt về tài sản của ông M. Bà H chỉ có quyền tặng cho số tiền thuộc quyền sở hữu của bà H.

Ngoài ra, bà H còn cho rằng bà đã chi trả số tiền 2.000.000.000 đồng chi phí thuê dịch vụ tư vấn chuyển nhượng 20% cổ phần mang tên bà tại Công ty HV theo Hợp đồng tư vấn số 01/2020/HĐTV-CN ngày 20/01/2020 nên còn lại số tiền là 74.413.467.072 đồng. Tuy nhiên, khoản tiền này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá có phải là chi phí hợp lý của bà H hay không. Do đó, khi giải quyết lại vụ án cần xác minh làm rõ và căn cứ vào công sức đóng góp của mỗi bên để phân chia mới đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 1 Điều 342, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 12/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội về phân chia tài sản chung của vợ chồng.

2. Hủy Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 06/2021/HNGĐ-PT ngày 27/10/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 32/2021/LH-ST ngày 23/3/2021 về phân chia tài sản chung của vợ chồng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm lại về phân chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội (kèm hồ sơ vụ án);
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKTIII (3b), VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Hồng Hà**